

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HSPT
Ngày: 04/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Kim Rết

Các thẩm phán:

Ông Vũ Thế Phương

Bà Phạm Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh – Thư ký Tòa án tỉnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Võ Ngọc Khánh Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Lê Thị N, do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 163/2018/HS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện X.

Bị cáo kháng cáo:

Lê Thị N, sinh năm 1972 tại Quảng Nam.

Nơi cư trú: khu phố 6, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Lê T, sinh năm 1936 và bà Trương Thị B, sinh năm 1940. Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Thị N giúp việc nhà cho bà Nguyễn Thị Thanh L1 từ năm 2016. Khoảng 07 giờ ngày 13/9/2018, trong lúc quét dọn nhà cho bà Nguyễn Thị Thanh L1, do thấy cánh cửa tủ gỗ không khóa, bên trong có 01 túi nilon đựng tiền, nên bị cáo N đã lấy ra 01 xấp tiền rồi đem ra ngoài bỏ vào 01 bóp da màu trắng đen để trong cốp xe mô tô biển số 60B5-243.92 rồi quay vào tiếp tục làm việc.

Khi bà Nguyễn Thị Thanh L1 đi chợ về phát hiện bị mất tiền và nghi ngờ bị cáo N lấy trộm, bà L1 đã trình báo với Công an thị trấn G, huyện X, sau đó tiến

hành kiểm tra trong cốp xe mô tô của bị cáo N (đang để cửa nhà của bà L1) có số tiền 37.000.000 đồng, bị cáo N thừa nhận là số tiền đã lấy trộm của bà L1.

Vật chứng vụ án: Số tiền 37.000.000 đồng đã giao trả cho người bị hại là bà L1.

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 60B5-243.92; 01 bóp loại giả da màu trắng đen của bị cáo đã trả lại cho bị cáo.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 163/2018/HS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện X quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Thị N phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị N 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý vật chứng và án phí theo luật định.

Ngày 10/12/2018, bị cáo Lê Thị N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do: Bản án tuyên phạt 10 tháng tù cho bị cáo là quá nặng vì bị cáo đã trả lại số tiền trộm cắp cho bị hại; bị cáo là lao động chính trong nhà, con bị cáo đang bệnh nặng, cho bị cáo được hưởng hình phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án ân treo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa:
Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Lê Thị N về tội “**Trộm cắp tài sản**” căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng căn cứ pháp luật. Mức án 10 tháng tù là tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo có đơn kháng cáo xin hưởng án ân treo, xét thấy mức án 10 tháng tù là phù hợp, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị N làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị N Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị N thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu.

Khoảng 07 giờ ngày 13/9/2018, trong lúc quét dọn nhà cho bà Nguyễn Thị Thanh L1, do thấy cánh cửa tủ gỗ không khóa, bên trong có 01 túi nilon đựng tiền, nên bị cáo N đã lấy ra 01 xấp tiền rồi đem ra ngoài bỏ vào 01 bóp da màu trắng đen để trong cốp xe mô tô biển số 60B5-243.92 rồi quay vào tiếp tục làm

việc. Sau đó bà L1 đi chợ về phát hiện bị mất tiền nên báo Công an đến làm việc và thu hồi số tiền 37.000.000 đồng để trong cốp xe của bị cáo trả cho người bị hại.

[3] Hành vi của bị cáo N phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ tính chất mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo N mức án 10 tháng tù là có căn cứ, đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[4] Tuy nhiên, xét thấy bị cáo N phạm tội nhưng không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, Hành vi phạm tội của bị cáo có tính nhất thời, bị cáo có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình đang nuôi mẹ già và con nhỏ.

Ngoài ra bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự như: bị cáo có nhân thân tốt, gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tuổi đã lớn, bị cáo đã ly hôn và là lao động chính trong gia đình đang nuôi con học lớp 5. Tại cấp phúc thẩm, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà nên giao về chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận, các ý kiến khác không phù hợp nên không chấp nhận.

[6] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo N được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 355, Điều 35 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị N, sửa bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử phạt: Lê Thị N 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Lê Thị N cho Ủy ban nhân dân Thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Thị N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Về án phí: Bị cáo Lê Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cấp sơ thẩm;
- TAND cấp sơ thẩm;
- Công an cấp quận, huyện;
- Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Phòng PV27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)
Bùi Kim Rết